

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2022/HS-ST

Ngày: 15-9-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hòa

*Thẩm phán:* Ông Lò Văn Lịch

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Sùng A Xà

Bà Đỗ Thị Luyện

Ông Lê Quang Nhuận

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:* Bà Vì Thị Hiền, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 70/2022/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2022/HSST-QĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 48/TB-TA ngày 15 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2022/HSST-QĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Huy C** (tên gọi khác: Không); sinh ngày 10/4/1981 tại Hà Nội. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện S, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Huy G, sinh năm 1954 và bà Lưu Thị B, sinh năm 1956; vợ là Ngô Thị Ánh H, sinh năm 1996, bị cáo có 01 con sinh năm 2007; Tiền án: 02 tiền án về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (ngày 12/3/2015, bị Tòa án nhân dân huyện S xử phạt 48 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; ngày 12/02/2018 chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích. Ngày 30/9/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 08 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, bị cáo chưa thi hành án); tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/9/2021 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến ngày xét xử (có mặt).

*- Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Lê Đình T, Luật sư Văn phòng Luật sư C, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

*- Bị hại:*

1. Bà Lù Thanh Đ, sinh năm 1980. Địa chỉ: Bản P, xã T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).
2. Bà Lường Thị T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Bản P, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).
3. Chị Lò Thị H, sinh năm 1996. Địa chỉ: Bản D, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).
4. Ông Quàng Văn A, sinh năm 1963. Địa chỉ: Bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).
5. Chị Trương Thị Thu H, sinh năm 1995. Địa chỉ: Tổ dân phố 7, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).
6. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1965. Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).
7. Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1967. Địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).
8. Bà Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1968. Địa chỉ: Tổ dân phố 13, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).
9. Ông Nông Thanh B, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số nhà 164, tổ dân phố 03, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (có mặt).
10. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn 3, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).
11. Bà Trần Thị X, sinh năm 1961. Địa chỉ: Bản K, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).
12. Ông Đào Văn Đ, sinh năm 1969. Địa chỉ: Bản T, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La (vắng mặt).

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lò Văn T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Bản L, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).
2. Chị Quàng Thị M, sinh năm 1992. Địa chỉ: Đội 4A, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).
3. Bà Lò Thị D, sinh năm 1974. Địa chỉ: Đội 25, bản H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).
4. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1984. Địa chỉ tạm trú: Bản P, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).
5. Chị Phạm Thị D, sinh năm 1994. Địa chỉ: Số nhà 28, tổ dân phố 01, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).
6. Chị Đỗ Thanh H, sinh năm 1997. Địa chỉ: Đội 8, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).
7. Anh Quàng Văn Q, sinh năm 1993. Địa chỉ: Bản P, xã P, huyện N, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

8. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

9. Ông Quảng Văn T, sinh năm 1971. Địa chỉ: Bản P, xã T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

10. Ông Đoàn Văn H, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ 4, thị trấn S, huyện S, tỉnh Sơn La (vắng mặt).

11. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963. Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

12. Chị Ngô Thị Ánh H, sinh năm 1996. Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (có mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 4/2019 đến ngày 15/9/2021, tại địa bàn tỉnh Điện Biên, Nguyễn Huy C đã sử dụng tên Nguyễn Gia H, Nguyễn Văn H đưa ra các thông tin gian dối là có nhiều mối quan hệ quen biết có thể xin được việc, xin đi học, làm thủ tục chuyển đổi, đăng ký quyền sử dụng đất, “chạy án” để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 12 người với tổng số tiền là 1.210.000.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt được, C đã sử dụng hết. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 4/2019, chị Hoàng Thị H dạy cùng trường với Ngô Thị Ánh H (vợ Nguyễn Huy C) nên quen biết với Nguyễn Huy C. Cử giới thiệu với chị Hoàng Thị H là mình làm nghề luật sư, có nhiều mối quan hệ, có khả năng làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất nên chị Hoàng Thị H cùng chồng là anh Nông Thanh B đã nhờ C làm thủ tục cho mảnh đất của gia đình, C bảo chi phí hết 400.000.000 đồng. Khoảng cuối tháng 11/2019, anh B đã trực tiếp đưa cho C 50.000.000 đồng kèm theo một số giấy tờ đất. Đến cuối tháng 12/2019, anh B liên lạc để đưa cho C số tiền 300.000.000 đồng. C nhờ Hồng nhận nên anh B đã gặp và đưa cho Ngô Thị Ánh H ở Ngân hàng L thuộc tổ 02, phường T, thành phố Đ. Sau khi nhận tiền, Ngô Thị Ánh H đã chuyển toàn bộ cho C.

Lần thứ hai: Vào khoảng cuối năm 2019, qua xem tin tức trên mạng xã hội, C biết Trương Thị T bị bắt về án ma túy nên đã chủ động liên hệ với anh Đào Văn Đ (chồng chị T), C đưa ra thông tin gian dối có thể lo cho chị T khỏi án tử hình với chi phí là 02 tỷ đồng. Sau đó, C đã lên nhà anh Đ ở bản T, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La để nhận số tiền 300.000.000 đồng. Khoảng tháng 12/2019, nhận được thông báo của Văn phòng luật sư D cảnh báo có một số đối tượng giả làm luật sư của văn phòng để lừa đảo, do nghi ngờ bị lừa nên anh Đ đã hẹn C lên nhà đòi lại số tiền đã đưa, C đã chuyển số tiền 300.000.000 đồng lừa anh B và tài khoản Đoàn Văn H để trả lại anh Đ.

Lần thứ ba: Vào khoảng tháng 6/2020, Ngô Thị Ánh H dạy cùng trường với Quảng Thị T là em gái của Quảng Thị M nên đã cùng C đến nhà M chơi, Ngô Thị Ánh H giới thiệu C là luật sư, qua nói chuyện, C biết bác Quảng Văn A muốn xin việc cho M nên đã nói có khả năng xin việc được và yêu cầu chi phí 300.000.000

đồng. Do tin tưởng vào mối quan hệ với Ngô Thị Ánh H nên bác A đã hẹn C đến nhà tại đội 4A, xã T và đưa cho C số tiền 100.000.000 đồng, C đã viết giấy biên nhận với bác Quảng Văn A. Một thời gian sau không thấy C xin được việc, gia đình bác A đã yêu cầu Ngô Thị Ánh H, C phải trả lại tiền. Ngô Thị Ánh H không biết việc làm của C nhưng do quan hệ quen biết nên đã góp tiền cá nhân để cùng C trả lại cho gia đình bác A 80.000.000 đồng.

Lần thứ tư: Vào khoảng tháng 10/2020, cô Hoàng Thị T gặp một người đàn ông không biết tên ở bản C, phường N, thành phố Đ, người này đã cho cô T số điện thoại 0989.224.343 và bảo liên hệ với chủ số điện thoại sẽ làm được thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất. Cô T đã gọi điện và được người nghe giới thiệu tên là Nguyễn Gia H, làm luật sư tại Hà Nội, có khả năng làm được giấy tờ đất với giá 60.000.000 đồng, đặt cọc trước 15.000.000 đồng. Cô Hoàng Thị T tin tưởng nên đã đến phòng trọ của C tại tổ 9, phường N đưa tiền cọc và hồ sơ đất.

Lần thứ năm: Vào khoảng tháng 10/2020, qua người nhà, chị Lò Thị H biết được thông tin C có khả năng xin được việc nên đã cho số điện thoại để C liên lạc. Khoảng 01 tuần sau, C liên lạc với chị Lò Thị H, nói dối có thể xin vào làm trong cơ quan nhà nước với chi phí 200.000.000 đồng, đặt cọc trước 60.000.000 đồng. Chồng chị Lò Thị H đã mang hồ sơ giao cho C, sau đó chị Lò Thị H đã chuyển tiền vào tài khoản của anh trai là Lò Văn T, anh T đã đưa số tiền này cho C, hai bên có viết giấy biên nhận. Khi đến hẹn mà không thấy thông báo được đi làm, chị Lò Thị H đòi lại tiền nên C đã trả 40.000.000 đồng.

Lần thứ sáu: Cũng trong tháng 10/2020, C biết chị Đỗ Thị Thu H thông qua một người tên H1 ở T, C gọi điện giới thiệu là luật sư, có khả năng xin được cho Trần Đức H con chị Đỗ Thị Thu H vào làm việc ở UBND phường H với chi phí 120.000.000 đồng. Khoảng tháng 11/2020, chị Đỗ Thị Thu H đã đưa cho C số tiền 15.000.000 đồng ở khu vực trước công cơ quan Hải quan tỉnh Điện Biên, khoảng tháng 12/2020, chị Đỗ Thị Thu H đưa tiếp số tiền 40.000.000 đồng tại phòng trọ của C.

Lần thứ bảy: Khoảng tháng 11/2020, qua thông tin người khác giới thiệu, chị Trương Thị Thu H có số điện thoại của Nguyễn Huy C nên đã gọi điện cho C, khoảng mấy ngày sau, C gọi lại và hẹn gặp chị Trương Thị Thu H ở quán cà phê P thuộc phường T, thành phố Đ. Tại đây, C giới thiệu là luật sư, vợ làm giáo viên trên Đ, có quen biết người bên Sở Nội vụ nên sẽ xin được cho chị Trương Thị Thu H vào làm tại Chi cục Thuế thành phố Đ với giá 250.000.000 đồng. Vào ngày 27/11/2020 chị Trương Thị Thu H đã đưa cho C 30.000.000 đồng, ngày 22/01/2021 chị Trương Thị Thu H đưa cho C 70.000.000 đồng (lần này có viết giấy biên nhận với chị Trương Thị Thu H) tại phòng trọ của C. Một thời gian sau, không thấy C xin được việc, chị Trương Thị Thu H đòi lại tiền. C đã trả cho chị Trương Thị Thu H 30.000.000 đồng.

Lần thứ tám: Khoảng tháng 01/2021, qua chị Đỗ Thị Thu H giới thiệu, C quen với chị Trần Thị X, biết chị X có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất ở bản K, phường N, C nói dối sẽ làm được việc này với giá 120.000.000 đồng. Ngày 12/01/2021, chị X đã cùng C ra Ngân hàng BIDV tỉnh Điện Biên rút tiền đưa cho C 40.000.000 đồng. Hai bên lập giấy giao nhận tiền có sự chứng kiến của chị Đỗ

Thị Thu H. Khoảng 02 ngày sau, theo yêu cầu của C, chị X đã đưa cho C 01 bộ hồ sơ để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất.

Lần thứ chín: Vào khoảng tháng 3/2021, C gặp chị Đỗ Thị T khi đi bộ thể dục, biết chị Đỗ Thị T có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất, C nói có nhiều mối quan hệ có thể làm giấy tờ đất với giá 120.000.000 đồng. Thấy chi phí C đưa ra thấp hơn so với mức phải thanh toán khi chuyển mục đích sử dụng đất tại cơ quan nhà nước nên chị Đỗ Thị T đã đồng ý nhờ C làm thủ tục hộ. Ngày 19/4/2021, tại phòng trọ của C ở phường N, chị Đỗ Thị T đã đưa trước cho C 20.000.000 đồng và 01 bộ hồ sơ, hai bên có làm giấy biên nhận tiền với nhau. Đến ngày 13/9/2021, C trả cho chị Đỗ Thị T bộ hồ sơ và hẹn mấy hôm nữa sẽ dẫn chị Đỗ Thị T đi làm thủ tục.

Lần thứ mười: Vào khoảng tháng 4/2021, chị Đỗ Thị T dẫn C đến nhà chị Lương Thị T ở bản P, phường N, C giới thiệu tên Nguyễn Gia H nhà ở phường N, thành phố Đ, làm nghề luật sư, có nhiều người quen có khả năng xin được việc cho con chị Lương Thị T với chi phí 150.000.000 đồng. Do con gái không đồng ý nên chị Lương Thị T lại nói với C về việc gia đình có mảnh đất mua bán ở bản K, phường N chưa làm được thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất. C nói dối sẽ làm được với chi phí 130.000.000 đồng, đặt cọc trước 20.000.000 đồng. Ngày 12/4/2021, C đến nhà chị Lương Thị T ở bản P, phường N lấy số tiền 20.000.000 đồng và viết giấy biên nhận ký tên Nguyễn Gia H.

Lần thứ mười một: Vào khoảng tháng 7/2021, thông qua Nguyễn Thị M giới thiệu, C quen và biết chú Nguyễn Văn B có nhu cầu xin cho con trai là Nguyễn Tuấn L đi học chuyên nghiệp của công an. C nói dối là có thể xin được với giá 200.000.000 đồng. Chú Nguyễn Văn B lên phòng trọ của C đưa hồ sơ. Đến ngày 12/8/2021, C xuống tận nhà chú Nguyễn Văn B ở thôn 3, xã P, huyện Đ để nhận số tiền 100.000.000 đồng, C tự tay viết giấy biên nhận.

Lần thứ mười hai: Khoảng cuối tháng 8, đầu tháng 9/2021, thông qua Nguyễn Thị M, C quen và biết gia đình chị Lù Thanh Đ có nhu cầu muốn xin cho con vào học tại trường Đại học Cảnh sát, C nói dối sẽ xin được với giá 380.000.000 đồng, đưa trước 50.000.000 đồng. Ngày 15/9/2021, C đã lên nhà chị Lù Thanh Đ để lấy tiền đặt cọc. Sau khi giao tiền, do nghi ngờ bị lừa nên gia đình chị Lù Thanh Đ đã báo công an. Ngay sau khi C từ nhà chị Lù Thanh Đ ra thì bị cơ quan điều tra đưa về trụ sở làm việc.

***Tại Bản kết luận giám định số 1089/GĐ-PC09 ngày 23/9/2021 của Phòng Giám định kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên kết luận:***

Chữ viết đứng tên Nguyễn Gia H trên “GIẤY BIÊN NHẬN” đề ngày 15 tháng 9 năm 2021, ký hiệu A với chữ viết đứng tên Nguyễn Huy C trên “BẢN TỰ KHAI” đề ngày 16/9/2021, ký hiệu M là do cùng một người viết ra.

***Tại Bản kết luận giám định số 1182/GĐ-PC09 ngày 25/10/2021 của Phòng Giám định kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên, kết luận:***

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 012066038; mang tên Nguyễn Huy C, sinh ngày: 10/04/1981; nơi ĐKKH thường trú: Đ, Q, S, Hà Nội; do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 06/09/2013; tại góc trên bên phải bị cắt khuyết một phần ***là giấy chứng minh nhân dân giả.***

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 012036038; mang tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 09/09/1981; nơi ĐKKH thường trú: Đ, Q, S, Hà Nội; do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 06/11/2012 ***là giấy chứng minh nhân dân giả.***

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 012066038; mang tên: Nguyễn Huy C; sinh ngày 10/04/1981; nơi ĐKKH thường trú: Đ, Q, S, Hà Nội; do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 06/09/2013 ***là giấy chứng minh nhân dân thật.***

***Tại Bản kết luận giám định số 1188/GĐ-PC09 ngày 26/10/2021 của Phòng Giám định kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên kết luận:***

100 (một trăm) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) gửi giám định ***là tiền thật.***

***Tại Bản kết luận giám định số 1192/GĐ-PC09 ngày 26/10/2021 của Phòng Giám định kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên kết luận:***

Tìm thấy dữ liệu lưu trữ trong các mẫu gửi giám định có nội dung liên quan đến vụ án, mốc thời gian từ 01/10/2019 đến nay, cụ thể như sau:

- Mẫu A1 tìm thấy 47 (bốn mươi bảy) mục là các tin nhắn đi, tin nhắn đến, cuộc gọi đi, cuộc gọi đến, cuộc gọi nhờ.

- Mẫu A2 tìm thấy 24 (hai mươi bốn) mục là các tin nhắn đi, tin nhắn đến, cuộc gọi đến.

- Mẫu A4 tìm thấy 12 (mười hai) mục là các tin nhắn đến, cuộc gọi đi, cuộc gọi đến, cuộc gọi nhờ.

- Mẫu A5 tìm thấy 10 (mười) mục là các tin nhắn đến, cuộc gọi đến, cuộc gọi nhờ.

***Tại Bản kết luận giám định số 1267/GĐ-PC09 ngày 25/11/2021 của Phòng Giám định kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên kết luận:***

Chữ viết phần nội dung và chữ viết đứng tên Nguyễn Gia H trên 04 (bốn) “GIẤY BIÊN NHẬN” ký hiệu từ A1 đến A4 với chữ viết đứng tên Nguyễn Huy C trên 02 (hai) “BẢN TỰ KHAI” ký hiệu M1, M2 ***là do cùng một người viết ra.***

**Tại bản Cáo trạng số: 06/CT-VKS-P2 ngày 31/5/2022** của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố Nguyễn Huy C về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

#### **Tại phiên tòa:**

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Huy C và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Huy C 17 năm đến 18 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55, khoản 2 Điều 56 BLHS tổng hợp với hình phạt 08 năm tù của bản án số 798/2020/HSPT ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 25 năm đến 26 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586, 589 BLDS buộc bị cáo Nguyễn Huy C phải tiếp tục bồi thường cho các bị hại, cụ thể: Bồi thường cho gia đình ông Nông Thanh B 350.000.000đ, bồi thường cho gia đình ông Quảng Văn A 20.000.000đ, bồi thường cho bà Hoàng Thị T 15.000.000đ, bồi thường cho bà Lò Thị H 20.000.000đ, bồi thường cho bà Đỗ Thị Thu H 55.000.000đ, bồi thường cho bà Trương Thị Thu H 70.000.000đ, bồi thường cho bà Trần Thị X 40.000.000đ, bồi thường cho bà Đỗ Thị T 20.000.000đ, bồi thường cho bà Lương Thị T 20.000.000đ, bồi thường cho gia đình ông Nguyễn Văn B 100.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu thi hành án của bị hại, nếu bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường, thì bị cáo còn phải trả cho họ khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của BLDS.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 1/2 giá trị 01 xe mô tô Biển kiểm soát 27Z1 – 304.63 là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân mà bị cáo sử dụng làm phương tiện đi lại để thực hiện hành vi phạm tội; 03 điện thoại nhãn hiệu Nokia, 01 điện thoại nhãn hiệu Philips bị cáo dùng vào việc phạm tội;

Tịch thu tiêu hủy: 02 CMTND giả mang tên Nguyễn Huy C, Nguyễn Gia H; Trả cho chị Ngô Thị Ánh H 1/2 giá trị 01 xe mô tô Biển kiểm soát 27Z1 – 304.63, 02 thẻ ngân hàng mang tên Ngô Thị Ánh H;

Trả lại cho các chủ sở hữu 15 bộ hồ sơ mang tên Trần Thị X, Lò Thị H, Quảng Thị M, Trương Thị Thu H, Nguyễn Minh Đ, Trần Đức H, Nguyễn Tuấn L, Hoàng Thị T, Nông Thanh B, Lương Thị T, Đỗ Thanh H, Phạm Thị D, Đèo Văn T, Nguyễn Thị M, Lương Việt H.

Trả cho Nguyễn Huy C 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Huy C, 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Đào Thế V, 03 thẻ ngân hàng mang tên Nguyễn Huy C, 01 điện thoại Iphone 6 plus và 01 điện thoại itel.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Huy C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 32.400.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

\* Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên; đồng thời không có khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Thực hiện lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

\* Bài bào chữa của Luật sư: Nhất trí với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố; không có ý kiến khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho 04 người với tổng số tiền là 450 triệu; bị cáo có bác ruột là liệt sỹ chống Mỹ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng

điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

\* Ông Nông Thanh B yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt và đề nghị HĐXX có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo; chị Ngô Thị Ánh H đề nghị được trả lại toàn bộ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27Z1-304.63 nhãn hiệu Honda Future.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về xác định hành vi phạm tội của bị cáo:**

Nguyễn Huy C không có việc làm và thu nhập ổn định, để có tiền một cách nhanh nhất mà không mất sức lao động, C đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác. Và để thực hiện được ý đồ của mình, trong thời gian từ cuối tháng 4/2019 đến ngày 15/9/2021, tại địa bàn tỉnh Điện Biên, Nguyễn Huy C đã nhiều lần có hành vi gian dối, đưa ra những thông tin sai sự thật, giới thiệu mình tên là Nguyễn Gia H, làm Luật sư ở Hà Nội có nhiều mối quan hệ quen biết với người có chức vụ, quyền hạn, có thể xin được việc làm, xin đi học, làm thủ tục chuyển đổi, đăng ký quyền sử dụng đất, “chạy án”, làm cho những người C gặp tin tưởng rằng C có khả năng xin được việc làm, xin đi học, xin giảm án và làm thủ tục về đất đai cho mình và người thân của mình nên đã tự nguyện giao tiền cho C. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Huy C không có bất kỳ một tác động hoặc liên hệ nào để xin việc, xin đi học, xin giảm án và làm thủ tục về đất đai như đã hứa, mà chiếm đoạt tiền của họ để chi tiêu cá nhân.

Với thủ đoạn như trên, Nguyễn Huy C đã chiếm đoạt tiền của 12 người, với tổng số tiền 1.210.000.000 đồng (một tỷ hai trăm mười triệu đồng), bao gồm: Chiếm đoạt của vợ chồng Hoàng Thị H, Nông Thanh B 350.000.000 đồng; chiếm đoạt của anh Đào Văn Đ 300.000.000 đồng; chiếm đoạt của ông Quảng Văn A 100.000.000 đồng; chiếm đoạt của chị Hoàng Thị T 15.000.000 đồng; chiếm đoạt của chị Lò Thị H 60.000.000 đồng; chiếm đoạt của chị Đỗ Thị H 55.000.000 đồng; chiếm đoạt của chị Trương Thị H 100.000.000 đồng; chiếm đoạt của chị Trần Thị X 40.000.000 đồng; chiếm đoạt của chị Đỗ Thị T 20.000.000 đồng; chiếm đoạt của chị Lương Thị T 20.000.000 đồng; chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn B 100.000.000 đồng; chiếm đoạt của chị Lò Thanh Đ 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Huy C khai nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các giấy biên nhận tiền và phù hợp với các Kết luận giám định số 1098 và 1267 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên về chữ viết, chữ ký của C trong các giấy biên nhận cùng với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo Nguyễn Huy C là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích chiếm đoạt tài sản. Hành vi đó là



nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội.

Từ những phân tích trên, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Nguyễn Huy C về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, bị cáo không bị oan.

**[2] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:**

Nguyễn Huy C có vợ thứ nhất là Nông Thị N, sinh năm 1983 (đã ly hôn), có một con chung với chị N. Bị cáo nhiều lần bị kết án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2015/HS-ST ngày 12/3/2015 bị Tòa án nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội xử phạt 48 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, ngày 12/02/2018 chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích và tại Bản án hình sự phúc thẩm số 798/2020/HS-PT ngày 30/9/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 08 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, bị cáo chưa thi hành án; trong thời gian được tại ngoại, C tiếp tục nhiều lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội hai lần trở lên và thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm (*Đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý*) nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có bác ruột là liệt sỹ chống Mỹ nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên và Người bào chữa đề nghị áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi nhận tiền và tài liệu của các bị hại, C không thực hiện lời hứa nên một số bị hại đòi lại tiền, C đã trả lại cho anh Đào Văn Đ 300.000.000 đồng, trả lại cho Quảng Văn A 80.000.000 đồng, trả lại cho Lò Thị H 40.000.000 đồng, trả lại cho Trương Thị Thu H 30.000.000 đồng; việc trả lại tiền được thực hiện trước khi hành vi phạm tội của bị cáo bị phát hiện, nên không thuộc trường hợp “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả”. Vì vậy, không chấp nhận đề nghị này của Kiểm sát viên và Người bào chữa.

Xét thấy, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, với nhiều tình tiết định khung tăng nặng, nhân thân xấu; hình phạt của các bản án trước không có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo, do đó cần có hình phạt tù nghiêm khắc, tương xứng tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích, đồng thời nhằm răn đe, giáo dục, phòng ngừa tội phạm chung.

Đề nghị của Kiểm sát viên và Người bào chữa về hình phạt áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ nên được chấp nhận.

### **[3] Về tổng hợp hình phạt:**

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 798/2020/HSPT ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, Nguyễn Huy C bị xử phạt 08 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo không bị tạm giam giữ và chưa chấp hành án. Do đó, HĐXX cần tổng hợp với hình phạt của bản án này, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 55, khoản 2 Điều 56 BLHS.

### **[4] Về hình phạt bổ sung:**

Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 BLHS, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, không có tài sản, bị cáo còn phải bồi thường thiệt hại cho các bị hại trong vụ án với số tiền lớn. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

### **[5] Về trách nhiệm dân sự:**

Bị cáo Nguyễn Huy C đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 12 người, sau đó C đã trả lại tiền cho một số người như: Đã trả cho Đào Văn Đ 300.000.000 đồng; Quảng Văn A 80.000.000 đồng; Lò Thị H 40.000.000 đồng; Trương Thị Thu H 30.000.000 đồng. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại cho Lù Thanh Đ 50.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị hại yêu cầu bị cáo Nguyễn Huy C phải bồi hoàn số tiền đã chiếm đoạt và số tiền chiếm đoạt còn lại. Xét thấy, yêu cầu của các bị hại là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các Điều 584, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận. Buộc bị cáo Nguyễn Huy C phải hoàn trả tiền cho các bị hại, gồm: Hoàn trả số tiền 20.000.000 đồng cho Quảng Văn A; hoàn trả số tiền 20.000.000 đồng cho Lò Thị H; hoàn trả số tiền 70.000.000 đồng cho Trương Thị Thu H; hoàn trả cho Hoàng Thị H số tiền 350.000.000 đồng; hoàn trả cho Hoàng Thị T số tiền 15.000.000 đồng; hoàn trả cho Đỗ Thị Thu H số tiền 55.000.000 đồng; hoàn trả cho Trần Thị X số tiền 40.000.000 đồng; hoàn trả cho Đỗ Thị T số tiền 20.000.000 đồng; hoàn trả cho Lương Thị T số tiền 20.000.000 đồng; hoàn trả cho Nguyễn Văn B số tiền 100.000.000 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực và những người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng bị cáo còn phải trả cho họ khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

**[6] Về vật chứng vụ án:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- 02 Chứng minh nhân dân giả mang tên Nguyễn Huy C, Nguyễn Gia H không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Xe mô tô nhãn hiệu HONDA FUTURE biển kiểm soát 27Z1 - 304.63 là tài sản chung có trong thời kỳ hôn nhân của bị cáo và chị Ngô Thị Ánh H, bị cáo sử dụng làm phương tiện đi lại để thực hiện hành vi phạm tội, nhưng chị H không biết. Do đó cần tịch thu sung quỹ nhà nước  $\frac{1}{2}$  giá trị xe; trả cho chị H  $\frac{1}{2}$  giá trị xe.

- 03 điện thoại nhãn hiệu Nokia, 01 điện thoại nhãn hiệu Philips bị cáo dùng vào việc trao đổi thông tin, hẹn gặp các bị hại để nhận tiền và giấy tờ, hồ sơ. Do đó cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Các giấy tờ tùy thân và tài khoản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo gồm: 01 chứng minh nhân dân thật mang tên Nguyễn Huy C; 01 chứng minh nhân dân mang tên Đào Thế V; 03 thẻ ATM mang tên Nguyễn Huy C.

- 01 điện thoại Iphone 6 plus và 01 điện thoại itel cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo, qua điều tra xác định 02 chiếc điện thoại này bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội, vì vậy cần trả lại cho bị cáo.

- Trả lại cho chị Ngô Thị Ánh H 02 thẻ ATM mang tên Ngô Thị Ánh H không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Trả lại cho các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan 15 bộ hồ sơ mang tên Lương Việt H, Trương Thị Thu H, Trần Đức H, Hoàng Thị T, Nguyễn Tuấn L, Quảng Thị M, Lò Thị H, Đỗ Thanh H, Phạm Thị D, Lương Thị T, Nông Thanh B, Trần Thị X, Nguyễn Thị M, Nguyễn Minh Đ, Đèo Văn T.

**[7] Về hành vi, quyết định tố tụng** của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, các Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

**[8] Về án phí:** Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Huy C phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 32.400.000 đồng ( $20.000.000 \text{ đồng} + (4\% \times 310.000.000 \text{ đồng}) = 32.400.000 \text{ đồng}$ ).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ điểm a Khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Huy C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Huy C **17 (mười bảy) năm tù**.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55, khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp với hình phạt 08 năm tù tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 798/2020/HSPT ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **25 (hai mươi lăm) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (16/9/2021).

**2. Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Huy C phải bồi hoàn số tiền đã chiếm đoạt cho những người sau đây:

- Bồi thường cho ông Nông Thanh B 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho ông Quảng Văn A 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Hoàng Thị T 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Lò Thị H 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Đỗ Thị Thu H 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Trương Thị Thu H 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Trần Thị X 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Đỗ Thị T 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Lương Thị T 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho ông Nguyễn Văn B 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày các bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Nguyễn Huy C chậm trả tiền thì bị cáo còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**3. Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

**\* Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước:**

- ½ giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE, Loại xe: Hai bánh từ 50-175 cm<sup>3</sup>, Dung tích xi lanh: 124.8; Màu sơn: Nâu Vàng Đen; Biển số: 27Z1-340.633; Số khung: RLHJC5301CY016847; Số máy: JC53E-0016933, xe cũ đã qua sử dụng (kèm theo chìa khóa).

- 03 điện thoại nhãn hiệu Nokia.

- 01 điện thoại nhãn hiệu PhiLips.

**\* Tịch thu tiêu hủy:**

- 01 Giấy chứng minh nhân dân số 012066038 mang tên Nguyễn Huy C, do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 06/09/2013; tại góc trên bên phải bị cắt khuyết một phần.

- 01 Giấy chứng minh nhân dân số 012036038 mang tên Nguyễn Gia H, do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 06/11/2012.

**\* Trả lại cho bị cáo Nguyễn Huy C:**

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 012066038 mang tên Nguyễn Huy C, do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 06/09/2013.

- 01 thẻ ATM ngân hàng MB Quân đội mang tên Nguyễn Huy C, số thẻ 9704.2220.5145.5020.

- 01 thẻ ATM ngân hàng TECHCOMBANK mang tên Nguyễn Huy C, số thẻ 9704.0788.5982.5461.

- 01 thẻ ATM ngân hàng ViettinBank mang tên Nguyễn Huy C, số thẻ 9704.151519716543.

- 01 giấy CMND số 001081002134 mang tên Đào Thế V, sinh năm 1981, trú tại M, M, Hà Nội, do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 10/06/2014.

- 01 điện thoại Iphone 6 plus.

- 01 điện thoại itel.

**\* Trả lại cho chị Ngô Thị Ánh H:**

- ½ giá trị xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE, Biển số 27Z1-304.63; Loại xe: Hai bánh từ 50-175 cm<sup>3</sup>, Dung tích xi lanh: 124.8; Màu sơn: Nâu Vàng Đen; Số khung: RLHJC5301CY016847; Số máy: JC53E-0016933.

- 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV mang tên Ngô Thị Ánh H, số thẻ 9704.180000021179098.

- 01 thẻ ATM ngân hàng LienVietPostBank mang tên Ngô Thị Ánh H, số thẻ 9704490331582414.

**\* Trả lại cho bị hại Lù Thanh Đ:** 01 bộ hồ sơ mang tên Lường Việt H, gồm các tài liệu, giấy tờ mang tên Lường Việt H: 01 Sơ yếu lý lịch, 01 học bạ THPT (bản sao), 01 bằng tốt nghiệp THPT (bản sao), 01 giấy khai sinh (bản sao), 01 giấy trúng tuyển vào lớp 10 (bản sao), 01 giấy chứng nhận nghề (bản sao), 01 giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT (bản sao), 01 Đơn xin việc, 01 phong bì bên trong có 05 ảnh của Lường Việt H.

**\* Trả lại cho Trương Thị Thu H:** 01 bộ hồ sơ mang tên Trương Thị Thu H, gồm: Sơ yếu lý lịch viết tay mang tên Trương Thị Thu H (bản chính), Giấy khám sức khỏe mang tên Trương Thị Thu H (bản chính), Bản cam kết viết tay của Trương Thị Thu H (bản chính), Sổ hộ khẩu mang tên Phạm Văn T (bản sao), Chứng minh nhân dân mang tên Trương Thị Thu H (bản sao), Bằng tốt nghiệp đại học mang tên Trương Thị Thu H (bản sao), Bảng kết quả học tập (bản sao).

**\* Trả lại cho Đỗ Thị Thu H:** 01 bộ hồ sơ mang tên Trần Đức H, gồm các tài liệu mang tên Trần Đức H: Sơ yếu lý lịch viết tay (bản chính), Trích lục khai sinh (bản chính), Chứng chỉ tin học ứng dụng (bản sao), Bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp (bản sao), Bảng kết quả học tập (bản sao), Bảng điểm trình độ Đại học (bản sao), Chứng chỉ tiếng Anh (bản sao), Bằng Đại học (bản sao), Bằng tốt

ngiệp Trung học cơ sở (bản sao), Chứng minh nhân dân (bản phô tô), Sổ hộ khẩu gia đình Đỗ Thị Thu H (bản phô tô).

\* **Trả lại cho Hoàng Thị T:** 01 bộ hồ sơ mang tên Hoàng Thị T, gồm các tài liệu, giấy tờ mang tên Hoàng Thị T: Đơn đăng ký cấp giấy CNQSDĐ (03 bản chính), Sổ hộ khẩu (03 bản sao), Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất (bản phô tô), Giấy chuyển nhượng đất ở, hoa màu và ao (bản phô tô), Chứng minh nhân dân mang tên Quảng Thị T (bản phô tô), Trích lục bản đồ địa chính (bản phô tô).

\* **Trả lại cho Nguyễn Văn B:** 01 bộ hồ sơ mang tên Nguyễn Tuấn L, gồm các tài liệu, giấy tờ mang tên Nguyễn Tuấn L: Lý lịch tự khai viết tay (01 bản chính và 03 bản phô tô), Giấy chứng nhận kết quả thi (bản chính), Quyết định kết nạp Đảng viên (bản sao), Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (bản sao), Giấy khai sinh (03 bản sao), Học bạ (02 bản sao), Quyết định xuất ngũ và phiếu lĩnh trợ cấp BHXH (01 bản chính và 03 bản phô tô), Đơn tình nguyện (01 bản chính, 01 bản phô tô).

\* **Trả lại cho Quàng Văn A:** 01 bộ hồ sơ mang tên Quàng Thị M, gồm các tài liệu, giấy tờ mang tên Quàng Thị M: Sơ yếu lý lịch viết tay (bản chính), Sổ hộ khẩu Quàng Văn X (bản sao), Giấy khai sinh (bản sao), Bằng tốt nghiệp TCCN (bản sao), Chứng minh nhân dân (bản sao), Sổ học tập (bản sao).

\* **Trả lại cho Lò Thị H:** 01 bộ hồ sơ mang tên Lò Thị H, gồm các tài liệu, giấy tờ mang tên Lò Thị H: Sơ yếu lý lịch viết tay (bản chính), Đơn (bản chính), Sổ hộ khẩu Lò Văn K (bản sao), Giấy khai sinh (bản sao), Bằng tốt nghiệp Đại học (bản sao), Chứng minh nhân dân (bản sao), Bằng tốt nghiệp THPT (bản sao), Bảng điểm (bản sao), Chứng chỉ (bản sao), Giấy khen (bản sao).

\* **Trả lại cho Đỗ Thanh H:** 01 bộ hồ sơ mang tên Đỗ Thị Thanh H, gồm các tài liệu, giấy tờ mang tên Đỗ Thị Thanh H: Sơ yếu lý lịch viết tay (bản chính), Đơn (bản chính), Giấy khai sinh (bản sao), Bằng tốt nghiệp Đại học (bản sao), Chứng minh nhân dân (bản phô tô), Bảng điểm (bản sao), Chứng chỉ (bản sao).

\* **Trả lại cho Phạm Thị D:** 01 bộ hồ sơ mang tên Phạm Thị D, gồm các tài liệu, giấy tờ mang tên Phạm Thị D: Sơ yếu lý lịch viết tay (bản chính), Giấy khai sinh (bản sao), Bằng tốt nghiệp Cao đẳng (bản sao), Chứng minh nhân dân (bản sao), Bảng điểm (bản sao), Chứng chỉ (bản sao), Sổ hộ khẩu Phạm Văn N (bản sao).

\* **Trả lại cho Lương Thị T:** 01 bộ hồ sơ mang tên Lương Thị T, gồm các tài liệu, giấy tờ: Giấy biên nhận chuyển nhượng đất (bản sao), Căn cước công dân Lương Thị T (03 bản sao), Chứng minh nhân dân Phan Văn H (03 bản sao), Sổ hộ khẩu Phan Văn H (03 bản sao), Sổ hộ khẩu Tòng Văn B (03 bản sao).

\* **Trả lại cho Nông Thanh B:** 01 bộ hồ sơ mang tên Nông Thanh B, gồm các tài liệu, giấy tờ: Biên bản nhượng quyền sử dụng đất khai hoang viết tay (đã bị nhòe mực) (bản chính), Sơ đồ ranh giới viết tay (bản chính), Công văn số 20/CV-VHTT gửi Nông Văn B (bản sao), Chứng minh nhân dân Nông Văn B (03 bản sao), Sổ hộ khẩu Bé Thị B (03 bản sao).

\* **Trả lại cho Trần Thị X:** 01 bộ hồ sơ mang tên Trần Thị X, gồm các tài liệu, giấy tờ: Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất (bản chính), Bản mô tả

rang giới, mốc giới thừa đất (bản chính), Mảnh trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính (loại giấy A2) (bản chính), Đơn đăng ký, cấp giấy CNQSDĐ viết tay Trần Thị X (bản chính), Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư (bản chính), Đơn đăng ký, cấp giấy CNQSDĐ (Trần Thị X ký tên) (bản chính), Chứng minh nhân dân Trần Thị X (bản sao), Sổ hộ khẩu Trần Thị X (bản sao).

\* **Trả lại cho Nguyễn Thị M:** 01 bộ hồ sơ mang tên Nguyễn Thị M, gồm các tài liệu, giấy tờ: Giấy khai sinh Chu Văn T (bản sao), Trích lục khai tử Chu Văn K (bản sao), Trích lục khai tử Đinh Thị M (bản sao), Chứng minh nhân dân Chu Văn T (bản phô tô), Sổ hộ khẩu Nguyễn Thị M (bản phô tô), Đơn đề nghị rút lại giấy chuyển nhượng đất (đánh máy) (bản chính), Biên bản họp gia đình (viết tay) ngày 14/11/2007 (bản chính), Đơn đề nghị rút lại giấy chuyển nhượng đất (viết tay) (bản chính), Biên bản họp nội bộ gia đình (văn bản di chúc của bà Đinh Thị M) ngày 28/5/2006 (đánh máy) (bản chính), Biên bản họp nội bộ gia đình (văn bản di chúc của bà Đinh Thị M) ngày 28/10/2007 (đánh máy) (bản chính), Đơn đề nghị tạm dừng việc chuyển đổi, chuyển nhượng QSDĐ (đánh máy) (bản chính), Biên bản họp gia đình ngày 17/7/2019 (đánh máy) (bản chính).

\* **Trả lại cho Lò Thị D:** 01 bộ hồ sơ mang tên Đèo Văn T, gồm các tài liệu, giấy tờ: Sơ yếu lý lịch viết tay Đèo Văn T (bản chính), Sổ hộ khẩu Đèo Văn S (bản sao), Đơn xin (mẫu chưa viết) (bản chính), Giấy chứng nhận sức khỏe (mẫu chưa viết) (bản chính).

\* **Trả lại cho Nguyễn Thị T:** 01 bộ hồ sơ mang tên Nguyễn Văn Đ, gồm các tài liệu, giấy tờ mang tên Nguyễn Văn Đ: Sơ yếu lý lịch viết tay (bản chính), Sổ đoàn viên (bản sao), Giấy khai sinh (bản sao), Bằng tốt nghiệp THPT (bản sao), Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT (bản sao), Kết quả thực tập (bản sao), Bảng điểm (bản sao), Chứng chỉ (bản sao), Bằng tốt nghiệp Đại học (bản sao), Học bạ Bằng THPT (02 bản sao), Giấy khám sức khỏe (bản chính).

*(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 31/5/2022).*

**4. Về án phí:** Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Huy C phải chịu số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 32.400.000 đồng (ba mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

**5. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/9/2022).

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa;
- Phòng HSNV Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng HC Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Hoàng Thị Hòa**